

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÝ SƠN

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024- 2025 – KHỐI 6

MÔN CÔNG NGHỆ

I. NỘI DUNG

Bài 1: Khái quát về nhà ở

- 1.1 Nhà ở là gì? Nhà ở gồm các phần chính nào?
- 1.2 Nêu cách bố trí không gian bên trong nhà ở.
- 1.3 Ở Việt Nam có các kiểu nhà đặc trưng nào?

Bài 2: Vật liệu xây dựng

- 2.1 Kể tên các loại vật liệu làm nhà.
- 2.2 Nêu các bước chính xây dựng nhà ở và đặc điểm các bước.

Bài 3: Ngôi nhà thông minh:

- 3.1 Ngôi nhà thông minh là gì? Các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- 3.2 Lấy ví dụ về các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- 3.3 Đặc điểm của ngôi nhà thông minh thể hiện ở sự tiện ích, an ninh an toàn và tiết kiệm năng lượng.
- 3.4 Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình là gì? Lấy ví dụ.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI:

1. Trắc nghiệm

Câu 1. Nhà ở được xây dựng bằng vật liệu?

- A. Tre B. Gỗ C. Đá D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 2: Phát biểu nào **không đúng** khi nói về vai trò của nhà ở đối với con người?

- A. Là nơi chứa đồ của gia đình.
B. Là nơi chứa đồ của trường học.
C. Là nơi học tập của con người.
D. Là nơi làm việc của con người.

Câu 3. Trình tự nào sau đây đúng về quá trình xây dựng nhà ở

- A. Chuẩn bị → Xây dựng phần thô → Hoàn thiện.
B. Chuẩn bị → Hoàn thiện → Xây dựng phần thô.
C. Xây dựng phần thô → Chuẩn bị → Hoàn thiện.
D. Xây dựng phần thô → Hoàn thiện → Chuẩn bị.

Câu 4. Một tin rao bán nhà trên báo được đăng như sau:

“Cần bán căn hộ có hai mặt thoáng, diện tích 79 m² có 3 phòng ngủ, 2 phòng vệ sinh. Toà nhà có hai tầng hầm để xe, có khu sinh hoạt cộng đồng.”

Nhà được bán thuộc loại nhà ở nào?

- A. Nhà nông thôn B. Nhà mặt phố
C. Nhà chung cư D. Nhà sàn

Câu 5. Ngôi nhà thông minh có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính tiện nghi, tính an toàn cao.
B. Tính an toàn cao, tiết kiệm năng lượng.
C. Tiết kiệm năng lượng, tính tiện nghi.
D. Tính tiện nghi, tính an toàn cao, tiết kiệm năng lượng.

Câu 6. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả là sử dụng”

- A. Đúng lúc, đúng chỗ, giảm mức tiêu thụ năng lượng.
- B. Đúng lúc, đúng chỗ, tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- C. Đúng lúc, không đúng chỗ, giảm mức tiêu thụ năng lượng.
- D. Đúng lúc, không đúng chỗ, tăng mức tiêu thụ năng lượng.

Câu 7. Cách làm nào sau đây giúp tiết kiệm điện khi sử dụng tủ lạnh?

- A. Cất thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.
- B. Hạn chế số lần và thời gian mở tủ lạnh.
- C. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn để đựng được nhiều thực phẩm.
- D. Không đóng chặt cửa tủ lạnh khiến hơi lạnh thất thoát ra ngoài

Câu 8. Khi xây dựng nhà ở chủ nhà đã thiết kế và chọn hướng nhà để sử dụng tối đa năng lượng gió và ánh sáng mặt trời đó là đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

- A. Các tiện ích của ngôi nhà.
- B. Đặc điểm về an ninh, an toàn của ngôi nhà.
- C. Tiết kiệm năng lượng trong gia đình.
- D. Để làm đẹp ngôi nhà.

Câu 9. Mô tả nào **không** là đặc điểm của ngôi nhà thông minh?

- A. Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sẽ giảm ánh sáng.
- B. Màn hình chuông cửa cho biết có khách đang đứng đợi ở cửa ra vào.
- C. Hệ thống âm thanh tự động giảm độ lớn khi đêm về khuya.
- D. Quạt điện chạy khi có người mở công tắc của quạt.

Câu 10: Nguyên nhân nào sau đây gây ra sai số khi đo thời gian của một hoạt động?

- A. Không hiệu chỉnh đồng hồ.
- B. Đặt mắt nhìn lệch.
- C. Đọc kết quả chậm.
- D. Cả 3 nguyên nhân trên.

2. Tự luận

Bài 1. Trình bày sự khác nhau giữa nhà sàn và nhà thông thường.

Bài 2. Vì sao phải sử dụng tiết kiệm năng lượng? Em hãy liên hệ bản thân và gia đình nêu những việc sử dụng chưa tiết kiệm năng lượng điện và chất đốt từ đó nêu biện pháp sử dụng tiết kiệm.

Bài 3. Hãy mô tả ngôi nhà thể hiện các đặc điểm của ngôi nhà thông minh mà em đã từng trông thấy hoặc sử dụng.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. NỘI DUNG

1. Ôn các bài tập trong SGK (Cả dạng trắc nghiệm và tự luận)

2. Lý thuyết

2.1 Khoa học tự nhiên là gì? Nêu các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên.

2.2 Thế nào là vật sống? Thế nào là vật không sống?

2.3 An toàn trong phòng thực hành:

a) Các quy định an toàn trong phòng thực hành.

b) Nhận ra và nêu được ý nghĩa của các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành (kí hiệu trong SGK – Tr11,12)

2.4 Nêu cấu tạo và cách sử dụng : kính lúp; kính hiển vi quang học.

2.5 Hãy nêu cách đo chiều dài. Giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của dụng cụ đo là gì?

2.6 Nêu đơn vị, dụng cụ, các bước đo: độ dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ. 2.7 Chất tạo nên gì? Nêu các tính chất của chất.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI:

1. Trắc nghiệm

Câu 1. Hoạt động nào sau đây của con người là hoạt động nghiên cứu khoa học?

- A. Vệ sinh và rèn luyện thân thể hằng ngày.

- B. Lai tạo giống cây trồng mới.
 C. Tra bản đồ để tìm ra đường đi ngắn nhất của nhân viên bưu điện.
 D. Thu hoạch mùa vụ của bà con nông dân.

Câu 2. Kính lúp là dụng cụ quang học hỗ trợ cho mắt khi quan sát

- A. bầu trời. B. các vật nhỏ ở gần.
 C. các vật to ở cách xa vài chục mét. D. các vật to ở gần.

Câu 3. Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. đêximét (dm). B. mét (m).
 C. centimét (cm). D. milimét (mm).

Câu 4. Một học sinh đi từ nhà đến trường, lúc bắt đầu đi từ nhà đồng hồ chỉ 6 giờ 45 phút, khi đến trường đồng hồ chỉ 7 giờ 9 phút. Thời gian học sinh đó đi từ nhà đến trường là

- A. 1 giờ 54 phút. B. 34 phút.
 C. 1 giờ 36 phút. D. 26 phút.

Câu 5. Giới hạn đo của nhiệt kế

- A. là chỉ số lớn nhất ghi trên nhiệt kế.
 B. là chỉ số nhỏ nhất ghi trên nhiệt kế.
 C. là khoảng cách giữa hai vạch chia trên nhiệt kế.
 D. là như nhau đối với tất cả các loại nhiệt kế.

Câu 6. Khi đo nhiều lần thời gian chuyển động của một viên bi trên mặt phẳng nghiêng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

- A. Giá trị của lần đo cuối cùng.
 B. Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.
 C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.
 D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.

Câu 11. Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

- (1) Đặt mắt nhìn đúng cách.
- (2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.
- (3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.
- (4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.
- (5) Thực hiện phép đo thời gian.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

- A. (1), (2), (3), (4), (5). B. (3), (2), (5), (4), (1).
 C. (2), (3), (5), (1), (4). D. (2), (1), (3), (5), (4).

Câu 8. Nhiệt kế thủy ngân không thể đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?

- A. Nhiệt độ của nước đá. B. Nhiệt độ cơ thể người.
 C. Nhiệt độ của một lò luyện kim. D. Nhiệt độ khí quyển.

Câu 9. Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

- A. Tạo thành mây. B. Gió thổi.
 C. Mưa rơi. D. Lốc xoáy.

Câu 10. Nguyên nhân nào sau đây gây ra sai số khi đo thời gian của một hoạt động?

- A. Không hiệu chỉnh đồng hồ. B. Đặt mắt nhìn lệch.
 C. Đọc kết quả chậm. D. Cả 3 nguyên nhân trên.

Câu 12. Giới hạn đo và độ chia của cân đồng hồ như hình dưới là:

- A. Giới hạn đo là 15 kg và độ chia nhỏ nhất là 100 g.
 B. Giới hạn đo là 15 kg và độ chia nhỏ nhất là 0.5 kg.
 C. Giới hạn đo là 0 kg và độ chia nhỏ nhất là 1 kg.
 D. Giới hạn đo là 15 kg và độ chia nhỏ nhất là 50 g.

Câu 13. Trên vỏ một hộp bánh có ghi 500g, con số này có ý nghĩa gì?

- A. Khối lượng bánh trong hộp.



B. Khối lượng cả bánh trong hộp và vỏ hộp.

C. Sức nặng của hộp bánh.

D. Thể tích của hộp bánh.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Chất lỏng co lại khi lạnh đi.

B. Độ dẫn nhiệt của các chất lỏng khác nhau là như nhau.

C. Khi nhiệt độ thay đổi thì thể tích chất lỏng thay đổi.

D. Chất lỏng nở ra khi nóng lên.

Câu 14. Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

A. vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.

B. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.

C. vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

D. vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.

Câu 15. Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hoá học?

A. Hoà tan đường vào nước.

B. Cô cạn nước đường thành đường.

C. Đun nóng đường tới lúc xuất hiện chất màu đen.

D. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng.

2. Tự luận

Bài 1. Nước từ nhà máy được dẫn đến các hộ dân qua đường ống. Điều này thể hiện tính chất gì ở thể lỏng?

Bài 2. Các chất sau tồn tại ở thể nào ở điều kiện thường? Hãy liệt kê một số tính chất vật lí của các chất đó.

a) Đường

b) Nước

Bài 3. Em hãy mô tả một tình huống cho thấy sự cần thiết của việc ước lượng khối lượng trong đời sống?

Câu 4. Tại sao nhiệt kế y tế chỉ có thang đo từ 35 °C đến 42 °C?

Câu 5. Tại một nhà máy sản xuất kẹo, An có thể đóng gói 1410 viên kẹo mỗi giờ. Bình có thể đóng 408 hộp trong 8 giờ làm việc mỗi ngày. Nếu mỗi hộp chứa 30 viên kẹo, thì ai là người gói nhanh hơn?

MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Nội dung kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 6

II. GỢI Ý CÁC DẠNG BÀI MINH HỌA

1. DẠNG BÀI CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Lựa chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi dưới đây:

**Phân môn Lịch sử*

Câu 1. Một thế kỉ là bao nhiêu năm?

A. 100 năm.

B. 2000 năm.

C. 10 năm.

D. 1000 năm.

Câu 2. Dựa vào sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời, con người đã sáng tạo ra loại lịch nào?

A. Nhật lịch.

B. Nông lịch.

C. Dương lịch.

D. Âm lịch.

Câu 3. Tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là gì?

A. bộ lạc.

B. thị tộc.

C. bầy người nguyên thủy.

D. công xã nông thôn.

Câu 4. Khoa học lịch sử là ngành học nghiên cứu về điều gì?

A. Tất cả sinh vật và động vật trên Trái Đất.

B. Các thiên thể trong vũ trụ.

C. Quá trình hình thành và phát triển của loài người và xã hội loài người.

D. Quá trình hình thành và phát triển của Trái Đất

Câu 5. Cho tới nay, di chỉ nào là dấu tích cổ xưa nhất chứng tỏ sự xuất hiện sớm của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?

A. Núi Đọ (Thanh Hóa).

B. Xuân Lộc (Đồng Nai).

C. An Khê (Gia Lai).

D. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn).

***Phân môn Địa lí**

Câu 6. Ý nào sau đây không đúng khi nói về kinh tuyến?

A. Các kinh tuyến nối liền cực Bắc với cực Nam.

B. Nếu cứ 1^0 vẽ một kinh tuyến thì có 360 kinh tuyến.

C. Các kinh tuyến có chiều dài không bằng nhau.

D. Là những nửa đường tròn nối 2 cực trên bề mặt quả địa cầu.

Câu 7. Trái Đất có dạng hình nào dưới đây:

A. Hình cầu.

B. Hình bán nguyệt.

C. Hình cái đĩa.

D. Hình vuông.

Câu 8. Trái đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần mặt trời.

A. 4

B. 2

C. 3

D. 1

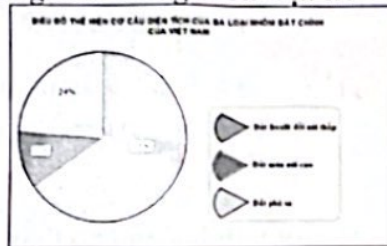
Câu 9. Hình vẽ dưới đây liên quan đến kĩ năng nào trong môn Địa lí?

A. Bản đồ.

B. Bảng số liệu.

C. Sơ đồ.

D. Biểu đồ.



Câu 10. Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng nào?

A. Từ tây sang đông.

B. Từ nam lên bắc.

C. Từ đông sang tây.

D. Từ bắc xuống nam

2. DẠNG CÂU HỎI TỰ LUẬN

***Phân môn Lịch sử**

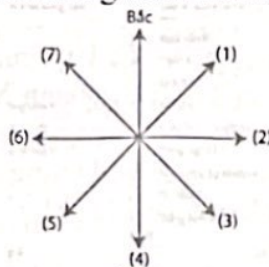
Câu 1. Trình bày đặc điểm, ý nghĩa và lấy ví dụ minh họa về các tư liệu lịch sử: tư liệu truyền miệng, hiện vật, chữ viết, tư liệu gốc.

Câu 2. Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trải qua mấy giai đoạn? Nêu niên đại tương ứng của từng giai đoạn đó?

Câu 3. Bằng kiến thức về xã hội nguyên thủy, em hãy trình bày những nét chính về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?

***Phân môn Địa lí**

Câu 4. Hãy cho biết tên các hướng còn trống trên hình sau:



Câu 5. Khoảng cách bản đồ đo được từ A đến B là 6 cm. Xác định khoảng cách thực tế từ A đến B ở các bản đồ có tỉ lệ sau:

a. Tỉ lệ 1:1 000 000

b. Tỉ lệ 1:500 000

c. Tỷ lệ 1:6 000 000

d. Tỷ lệ 1:10 000 000

Câu 6. Hãy trình bày nguyên nhân, biểu hiện các hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

MÔN TIN HỌC

I. NỘI DUNG

- Bài 1: Thông tin và dữ liệu
- Bài 2: Xử lý thông tin
- Bài 3: Thông tin trong máy tính
- Bài 4: Mạng máy tính

II. BÀI TẬP MINH HỌA:

1. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hoàn thiện câu sau: “Thông tin là tất cả những gì đem lại..... cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân con người”

- A. Sự hiểu thấu B. Sự hiểu biết C. Sự hiểu bài D. Sự hiểu chuyện

Câu 2. Dạng nào dưới đây không phải là dữ liệu.

- A. Hình chụp gia đình
B. Số điện thoại của mẹ
C. Bài hát “Niềm tin chiến thắng” trong điện thoại di động
D. Mùi thơm của cái bánh rán

Câu 3. Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có thể mưa”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra)?

- A. Mặc đồng phục; B. Đi học mang theo áo mưa;
C. Ăn sáng trước khi đến trường; D. Hẹn bạn Trang cùng đi học.

Câu 4. Thông tin có thể giúp cho con người:

- A. Nắm được quy luật của tự nhiên và do đó trở nên mạnh mẽ hơn.
B. Hiểu biết về cuộc sống và xã hội xung quanh.
C. Biết được các tin tức và sự kiện xảy ra trong xã hội.
D. Tất cả các khẳng định trên đều đúng.

Câu 5. Sơ đồ xử lý thông tin là:

- A. Nhập → Xử lý → Xuất B. Xử lý → Nhập → Xuất
C. Nhập → Xuất → Xử lý D. Xuất → Xử lý → Nhập

Câu 6. Em là sao đỏ của lớp. Theo em, thông tin nào dưới đây không phải là thông tin cần xử lý (thông tin vào) để xếp loại các tổ cuối tuần?

- A. Số lượng điểm 10. B. Số các bạn bị ghi tên vì đi muộn.
C. Số bạn mặc áo xanh. D. Số bạn bị cô giáo nhắc nhở.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là đúng

- A. Bit là đơn vị đo nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin
B. Một bit lưu trữ được một số thập phân
C. Một bit = 1 byte
D. Mỗi bit được kí hiệu bởi các số từ 0 đến 9

Câu 8. Đơn vị nhỏ nhất để đo dung lượng bộ nhớ là:

- A. Byte. B. Kilobyte. C. Megabyte. D. Gigabyte

Câu 9. Đơn vị lớn nhất trong các đơn vị dưới đây để đo dung lượng bộ nhớ là:

- A. Byte. B. Kilobyte. C. Megabyte. D. Gigabyte

Câu 10. USB là thiết bị dùng để:

- A. Lưu trữ B. In C. Gõ chữ D. Chiếu sáng

Câu 11. Một mạng máy tính cần ít nhất bao nhiêu cái máy tính

- A. Từ 5 cái máy tính trở lên

- B. Từ 2 cái máy tính trở lên
- C. Từ 1 cái máy tính và 1 cái máy in
- D. Cần nhiều máy tính, máy in và các thiết bị mạng

Câu 12. Khi muốn kết nối mạng cho máy tính xách tay (laptop):

- A. Ta phải kết nối dây điện vào máy tính xách tay
- B. Ta có thể sử dụng hệ thống wifi có trong laptop
- C. Ta phải cắm dây kết nối với máy tính để bàn
- D. Laptop không thể kết nối mạng được

Câu 13. Khi muốn kết nối nhiều máy tính với nhau trong cùng hệ thống mạng ta cần có thiết bị nào sau đây?

- A. Bộ chuyển mạch
- B. Điện thoại di động
- C. Máy in
- D. Máy tính để bàn.

Câu 14. Internet là gì?

- A. Là mạng liên kết các mạng máy tính trên thế giới
- B. Là mạng để sử dụng trong một tòa nhà
- C. Là mạng điện thoại di động
- D. Là hệ thống WWW (World-Wide-Web)

Câu 15. Đâu **không phải** là đặc điểm của internet?

- A. Tính toàn cầu, tính tương tác.
- B. Tính dễ tiếp cận, tính không sở hữu.
- C. Tính cập nhật, tính lưu trữ.
- D. Tính đa cấp.

Câu 16. Đâu **không phải** là lợi ích chính của Internet?

- A. Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả
- B. Học tập và làm việc hiệu quả
- C. Cung cấp các trang web đánh đề
- D. Tìm kiếm tư liệu học tập

Câu 17. Đâu **không phải** là vật mang tin

- A. Điện thoại di động
- B. Bài hát “Niềm tin chiến thắng”
- C. Bảng thông báo của trường
- D. Thẻ học sinh

Câu 18. Đâu là vật mang tin?

- A. Điện thoại di động, máy tính, bảng quảng cáo.
- B. Tên một bài hát, một bức ảnh chụp gia đình
- C. Một đoạn thông báo trên đài phát thanh
- D. Một đoạn trích văn học trong sách Ngữ văn 6

Câu 19. Vì sao nói máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin

- A. Vì máy tính đắt tiền
- B. Vì máy tính có các thiết bị dễ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và truyền thông tin.
- C. Vì máy tính do con người tạo ra
- D. Vì máy tính sử dụng điện.

Câu 20. Để máy tính có thể trợ giúp con người trong việc xử lý thông tin thì máy tính cần có các bộ phận nào sau đây.

- A. Thiết bị vào, bộ nhớ, máy in, thiết bị ra
- B. Bộ xử lý, thiết bị ra, thiết bị vào, wifi
- C. Bộ xử lý, thiết bị vào, bộ nhớ, thiết bị ra
- D. Thiết bị vào, bộ nhớ, thiết bị ra, bộ não

Câu 21. Để máy tính có thể xử lý, thông tin cần được biểu diễn dưới dạng các chữ số nào?

- A. 0 và 1
- B. 0 và 2
- C. 1 và 2
- D. 0 đến 9

Câu 22. Dãy bit có thể dùng để mã hóa các loại dữ liệu nào sau đây

- A. Ảnh chụp, bài hát, vị của que kem
- B. Đoạn video, tài liệu học tập, bài thơ
- C. Số thập phân, hình vẽ toán học, giấc mơ
- D. Hình ảnh, âm thanh, văn bản, chữ viết, video

Câu 23. Đâu là thiết bị mạng trong các thiết bị dưới đây

- A. Printer B. Monitor C. Scanner D. Hub

Câu 24. Đâu **không phải** là thiết bị mạng trong các thiết bị dưới đây

- A. Keyboard B. Modem C. Switch D. Router

Câu 25. Để kết nối được mạng máy tính, em cần các thành phần nào sau đây

- A. Máy vi tính, máy in, dây mạng
B. Máy in, máy vi tính, thiết bị mạng
C. Máy vi tính, điện thoại di động, dây mạng
D. Máy vi tính, thiết bị mạng, môi trường truyền dẫn

Câu 26. Khi kết nối mạng internet, em có thể làm được việc nào sau đây.

- A. Tìm tư liệu cho bài tập nhóm
B. Biết trước đề kiểm tra cuối chương
C. Biết trước được mọi thông tin mà không cần học
D. Biết trước được điểm số của bài kiểm tra

Câu 27. Sau giờ học căng thẳng, em có thể giải trí bằng cách nào sau đây.

- A. Chơi một trò game online trong vòng 4 giờ
B. Xem phim trên youtube từ sáng đến chiều
C. Lướt facebook cả buổi sáng
D. Xem phim, nghe nhạc, chơi game, gặp gỡ giao lưu bạn bè bằng các ứng dụng trên internet

Câu 28. Vì sao internet ngày càng trở nên được sử dụng rộng rãi và phát triển không ngừng.

- A. Vì internet được kết nối toàn cầu, dễ tương tác, dễ tiếp cận, đa dạng, nhiều thông tin
B. Vì internet kết nối toàn cầu, chỉ cần có điện thoại là truy cập được
C. Vì internet có ở khắp mọi nơi, chỉ cần có sóng điện thoại là kết nối được
D. Vì internet không có chủ sở hữu nên chỉ cần có điện thoại là kết nối được.

2. TỰ LUẬN

Câu 1. Với thẻ nhớ có dung lượng 1Gb, em hãy tính toán để có thể lưu trữ được nhiều nhất bao nhiêu file Video và bao nhiêu file nhạc trong các file dữ liệu sau đây?

- File video có dung lượng 458mb.

- File nhạc có dung lượng 4,5mb

Câu 2: Em hãy cho biết thế nào là một trang siêu văn bản (Hypertext)?

Câu 3: Em hãy nêu ví dụ về vật mang tin giúp ích cho việc học tập của các em.

Câu 4: Em hãy cho biết lợi ích của mạng máy tính?

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. Kiến thức trọng tâm:

1. Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ

2. Bài 2: Yêu thương con người

3. Bài 3: Siêng năng, kiên trì

II. Gợi ý một số dạng bài tập minh họa

Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1: Câu thành ngữ, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì là:

- A. Kiến tha lâu cũng đầy tổ. B. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
C. Tiên học lễ, hậu học văn. D. Cửa bèn tại người.

Câu 2: Lòng yêu thương con người xuất phát từ

- A. sự thương hại. B. tấm lòng chân thành.
C. mục đích vụ lợi cá nhân. D. những người giàu sang.

Câu 3: Việc làm nào dưới đây **KHÔNG** thể hiện giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. Lưu giữ nghề làm gốm.

- B. Quảng bá nghề làm phở ra nước ngoài.
- C. Truyền lại kinh nghiệm làm nón cho con cháu.
- D. Bắt chước theo văn hóa nước ngoài.

Câu 4: Việc làm nào sau đây KHÔNG thể hiện tính siêng năng, kiên trì?

- A. Sáng nào Lan cũng dậy sớm học bài.
- B. Mai giúp mẹ nấu cơm hằng ngày.
- C. Hải tập thể dục mỗi buổi sáng.
- D. Gặp bài khó, Hải mở sách giải ra chép cho nhanh.

Câu 5: Việc làm nào dưới đây là biểu hiện của người có đức tính kiên trì?

- A. Chỉ thích làm các việc đơn giản.
- B. Quyết tâm hoàn thành công việc.
- C. Thường xuyên bỏ việc giữa chừng.
- D. Thấy khó khăn là từ bỏ công việc.

Câu 6: Việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ giúp chúng ta

- A. có thêm nhiều tiền.
- B. được mọi người kính nể.
- C. có thêm kinh nghiệm.
- D. được nổi tiếng.

Câu 7: Truyền thống gia đình, dòng họ là

- A. những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được lưu truyền từ đời này sang đời khác.
- B. những giá trị tinh thần của gia đình, dòng họ được lưu truyền từ đời này sang đời khác.
- C. những giá trị vật chất của gia đình, dòng họ được lưu truyền từ đời này sang đời khác.
- D. những hủ tục được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Câu 8: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. Tìm hiểu về truyền thống của gia đình.
- B. Tuyên truyền phong tục mê tín dị đoan.
- C. Từ bỏ các phong tục của gia đình.
- D. Tuyên truyền tư tưởng phân động.

Câu 9: Em đang làm bài tập thì bạn đến rủ đi chơi thì em sẽ làm gì?

- A. Đi chơi cùng bạn còn bài tập hôm sau giải.
- B. Rủ bạn ở lại mở máy tính cùng chơi game cho vui.
- C. Khuyến bạn ở lại cùng trao đổi làm bài tập.
- D. Rủ thêm một số bạn cùng đi chơi.

Câu 10: Yêu thương con người là

- A. quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác.
- B. tôn trọng, kính yêu những người đã giúp đỡ mình.
- C. giúp đỡ, quan tâm đến những người thân trong gia đình.
- D. đoàn kết, chia sẻ, thông cảm với bạn bè.

Câu 11: Câu “Lá lành đùm lá rách” thể hiện phẩm chất gì?

- A. Yêu thương con người.
- B. Kiên trì.
- C. Siêng năng.
- D. Tự trọng.

Câu 12: Người kiên trì là người

- A. cần cù làm việc
- B. quyết tâm làm đến cùng.
- C. thường xuyên làm việc.
- D. tự giác làm việc.

Câu 13: Trái với siêng năng, kiên trì là

- A. lười biếng, chóng chán.
- B. cầu thả, hời hợt.
- C. trung thực, thẳng thắn.
- D. hấp tấp, vội vàng.

Câu 14: Khi một người mắc lỗi nhưng đã biết ăn năn, hối cải, chúng ta nên có thái độ như thế nào?

- A. Thờ ơ.
- B. Xa lánh.
- C. Phê bình.
- D. Khoan dung.

Câu 15: Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho con người, nhất là những lúc

- A. chúng ta cần đánh bóng tên tuổi. B. người khác hạnh phúc.
C. người khác gặp khó khăn và hoạn nạn. D. chúng ta cần sự đền đáp.

Câu 16: Hàng năm cứ vào cuối năm học dòng họ D luôn tổ chức tặng quà cho các con, cháu đạt kết quả cao trong học tập. Việc làm đó thể hiện điều gì?

- A. Kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ.
B. Phổ trương cho mọi người biết.
C. Thể hiện sự giàu có của dòng họ,
D. Góp phần xây dựng gia đình văn hóa.

Câu 17: Vào lúc rảnh rỗi M thường sang nhà V dạy bạn V học vì bạn V là người khuyết tật không thể đến trường học được. Em thấy bạn M là người như thế nào?

- A. M là người có lòng tự trọng.
B. M là người có lòng yêu thương mọi người.
C. M là người sống giản dị.
D. M là người trung thực.

Câu 18: Các thành viên trong gia đình E đều theo ngành y nên luôn động viên con cháu trong gia đình học y. Việc làm đó thể hiện điều gì?

- A. Kế thừa truyền thống của gia đình. B. Áp đặt con cháu.
C. Giúp đỡ con cháu. D. Quan tâm con cháu.

Câu 19: Câu “*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*” thể hiện truyền thống gì?

- A. Yêu thương con người. B. Siêng năng, kiên trì.
C. Kính lão đắc thọ. D. Tôn sư trọng đạo.

Câu 20: Để chung tay cùng cả nước đẩy lùi đại dịch Covid – 19, dòng họ P đã phát động phong trào toàn thể con cháu trong dòng họ tham gia nhắn tin ủng hộ quỹ vắc xin của nhà nước. Việc làm trên thể hiện dòng họ P đã biết kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp nào dưới đây?

- A. Truyền thống hiếu học. B. Truyền thống yêu nước.
C. Truyền thống cần cù lao động. D. Truyền thống lao động sáng tạo.

Câu 21: Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho con người, nhất là những lúc

- A. chúng ta cần đánh bóng tên tuổi. B. người khác hạnh phúc.
C. người khác gặp khó khăn và hoạn nạn. D. chúng ta cần sự đền đáp.

Câu 22: Học sinh thể hiện lòng yêu thương con người khi thực hiện tốt việc làm nào dưới đây?

- A. Giúp đỡ bà cụ qua đường. B. Giúp đỡ bạn quay cop bài.
C. Từ chối theo học nghề truyền thống. D. Quảng bá nghề truyền thống.

Câu 23: Người biết yêu thương con người sẽ

- A. được mọi người yêu quý và kính trọng. B. được mọi người nể nang, thiên vị.
C. có nhiều tiền. D. trở nên nổi tiếng.

Câu 24: Công dân chưa biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình và dòng họ khi thực hiện việc làm nào dưới đây?

- A. Nhắn tin ủng hộ quỹ Vắc xin. B. Giữ gìn nghề mộc gia truyền.
C. Gây rối an ninh trật tự. D. Giữ gìn an ninh thôn xóm.

Câu 25: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ là thể hiện thái độ như thế nào đối với các giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ tạo ra?

- A. Hãnh diện, tự hào. B. Miệt thị, khinh bỉ.
C. Thờ ơ vô cảm. D. Tự ti, xấu hổ.

Phần II: Tự luận

Câu 1: Em hiểu thế nào là truyền thống của gia đình, dòng họ? Việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình và dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

Câu 2: Em hãy nêu một số biểu hiện của yêu thương con người và trái với yêu thương con người? Lòng yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

Câu 3: Siêng năng, kiên trì có ý như thế nào trong cuộc sống? Là học sinh, em cần làm gì để rèn luyện tính siêng năng, kiên trì?

Câu 4: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

Nhà trường phát động quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lụt. Ở lớp của K, các bạn ủng hộ tiền và rất nhiều quần áo. Do gia đình khó khăn nên K chỉ đóng góp được một ít sách giáo khoa cũ. Một số bạn trong lớp phê bình K làm ảnh hưởng tới thành tích chung của lớp và cho rằng K không biết yêu thương, giúp đỡ người khác.

a. Em có đồng tình với một số bạn trong lớp phê bình K không? Vì sao?

b. Nếu em là một người bạn cùng lớp với K, em sẽ làm gì?

Câu 5: Đọc tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:

Trên đường đi học về, H và các bạn thường gặp một bác bị mù đi bán tấm tre, Hôm ấy, H và các bạn chứng kiến cảnh bác ấy bị hai anh thanh niên trêu chọc. Họ cố tình va vào bác làm bác ngã lăn ra, túi tấm tre văng tung toé trên đường. Hai anh thanh niên còn mắng bác và bỏ đi.

a. Nêu nhận xét của em về thái độ, việc làm của hai anh thanh niên với bác bán tấm tre bị mù.

b. Nếu là H, em sẽ làm gì?

MÔN NGỮ VĂN

I. NỘI DUNG

1. Phần văn bản:

1.1 Văn bản thuộc thể loại truyện đồng thoại: Nắm được cốt truyện; tóm tắt được truyện theo các sự việc chính; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật qua cử chỉ, hình dáng, hành động, ngôn ngữ,...

1.2 Văn bản thuộc thể loại thơ: Bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...

2. Tiếng Việt:

Học sinh ôn lại các kiến thức tiếng Việt đã học: Từ và cấu tạo từ tiếng Việt, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ...

* Yêu cầu:

- Nhận biết được các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết

3. Tập làm văn: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

* Yêu cầu:

- Nắm vững thể loại văn tự sự.
- Lập dàn ý và viết bài văn tự sự hoàn chỉnh.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI:

1. Dạng bài đọc – hiểu:

- Nhận biết một số yếu tố đặc trưng thể loại truyện đồng thoại, các thể thơ,...
- Tìm, nêu tác dụng của biện pháp tu từ
- Nêu ý nghĩa của hình ảnh/ chi tiết, bài học/ thông điệp...

2. Dạng bài viết:

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

IV. Gợi ý một số dạng bài tập minh họa

1. Dạng 1: Đọc- hiểu

Bài tập 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

SỨ GIẢ MÙA XUÂN

Xưa thật là xưa, có bốn nàng tiên làm nữ hoàng của các mùa: Xuân, Hạ, Thu và Đông. Mỗi nàng có một cung điện lộng lẫy trên một ngọn núi cao. Chỉ khi đến mùa, các nàng mới xuất hiện. Năm ấy, không hiểu sao mùa Đông kéo dài lê thê. Cây cối và các con thú run rẩy vì lạnh. Ai cũng mong chờ, lo lắng không hiểu vì sao nàng tiên mùa Xuân trễ hẹn như vậy.

Vì thế, các con vật mở cuộc họp chọn người đi đón nàng tiên mùa Xuân và tìm hiểu nguyên do. Sư Tử tự nhận mình khỏe mạnh, dũng cảm nhất nên giành quyền đi đón nàng tiên mùa Xuân. Nó hăm hở lên đường. Ngày đầu tiên, cật sức khỏe tốt nên Sư Tử đi từ sáng đến tối. Càng về sau Sư Tử đuối sức dần, rồi không đi tiếp được bèn quay về.

Thấy Sư Tử bỏ cuộc, Công “điệu đà” lên tiếng chế giễu. Nếu muốn nàng tiên mùa Xuân xuất hiện thì sứ giả phải là con vật xinh đẹp và lộng lẫy như họ nhà Công. Các con vật động ý cử chim Công đi thực hiện nhiệm vụ. Chim Công lên đường cùng đoàn tùy tùng, mang theo nhiều quà và hoa đẹp... Thế nhưng đường xá xa xôi, vất vả, cả đoàn dần mệt mỏi rồi bị ốm, hoa và quà tặng phải vứt lại trên đường. Cuối cùng, chim Công đành quay về.

Đến lúc này, muông thú đã sốt ruột lắm rồi. Nếu còn chần chừ sẽ trễ mất mùa Xuân tuyệt vời. Ngay lúc ấy, chim én ngập ngừng:

- Cháu tuy kém cỏi nhưng cũng xin góp sức để mang mùa Xuân về. Mùa Đông năm nay dài quá, mẹ cháu bị ho ngày một nặng. Nếu không có ánh nắng mùa Xuân, e rằng mẹ cháu không qua khỏi. Cháu sẽ đi tìm mùa xuân. Nghe vậy, muôn loài đồng ý. Dù đang ốm nhưng hay tin con đi, chim mẹ lén con vật những chiếc lông dày nhất của mình làm áo chống rét cho con. Chim én lên đường, nó bay mãi cuối cùng cũng đến cung điện của nàng tiên mùa Xuân. Trước cửa cung điện, chim én thấy một chú chim vàng óng bị ngất. Nghĩ chú chim bị lạnh, chim én cởi chiếc áo ấm choàng cho bạn. Chú chim bỗng biến mất và nàng tiên mùa Xuân xuất hiện:

- Con là một cô bé hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm. Năm nay ta chậm đến nhân gian là vì các con vật không ngoan. Chúng không biết yêu thương và giúp đỡ nhau. Nhờ có con ta biết rằng điều tốt đẹp vẫn còn hiện hữu. Ta chọn con làm sứ giả cho ta.

Từ đó, mỗi khi thấy chim én bay liệng trên trời, muôn loài sẽ biết rằng nàng tiên mùa Xuân đang sắp về với nhân gian.

(Dẫn theo <https://truyenngan.com.vn>)

Câu 1. Xác định thể loại, ngôi kể của văn bản trên?

Câu 2. Văn bản có sự xuất hiện của những nhân vật nào? Theo em, đâu là nhân vật chính của văn bản?

Câu 3. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu văn “*Vì thế, các con vật mở cuộc họp chọn người đi đón nàng tiên mùa Xuân và tìm hiểu nguyên do.*”

Câu 4. Chim én đã có những hành động việc làm nào đáng khen ngợi? Em học tập được điều gì tốt đẹp ở chim én?

Câu 5. Xác định từ láy trong đoạn văn sau: “*Xưa thật là xưa, có bốn nàng tiên làm nữ hoàng của các mùa: Xuân, Hạ, Thu và Đông. Mỗi nàng có một cung điện lộng lẫy trên một ngọn núi cao. Chỉ khi đến mùa, các nàng mới xuất hiện. Năm ấy, không hiểu sao mùa Đông kéo dài lê thê. Cây cối và các con thú run rẩy vì lạnh. Ai cũng mong chờ, lo lắng không hiểu vì sao nàng tiên mùa Xuân trễ hẹn như vậy.*”

Câu 6. Hãy giải thích nghĩa của từ “điệu đà”. Dấu ngoặc kép trong câu văn “*Thấy Sư Tử bỏ cuộc, Công “điệu đà” lên tiếng chế giễu*” có tác dụng gì?

Câu 7. Hành động chim én đi tìm mùa Xuân gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì?

Câu 8. Đọc lại đoạn văn sau:

“*Dù đang ốm nhưng hay tin con đi, chim mẹ lén con vật những chiếc lông dày nhất của mình làm áo chống rét cho con. Chim én lên đường, nó bay mãi cuối cùng cũng đến cung điện của*

nàng tiên mùa Xuân. Trước cửa cung điện, chim én thấy một chú chim vàng óng bị ngất. Nghĩ chú chim bị lạnh, chim én cởi chiếc áo ấm choàng cho bạn."

Trong đoạn văn trên, em cảm phục hành động của nhân vật chim mẹ hay của chim én? Vì sao?

Bài 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

(1)

Sang năm con lên bảy
Cha đưa con tới trường
Giờ con đang lon ton
Khắp sân trường chạy nhảy
Chỉ mình con nghe thấy
Tiếng muôn loài với con.

(2)

Mai rồi con lớn khôn
Chim không còn biết nói
Gió chỉ còn biết thổi
Cây chỉ còn là cây
Đại bàng chẳng về đây
Đậu trên cành khế nữa
Chuyện ngày xưa, ngày xưa
Chỉ là chuyện ngày xưa.

(3)

Đi qua thời ấu thơ
Bao điều bay đi mất
Chỉ còn trong đời thật
Tiếng người nói với con
Hạnh phúc khó khăn hơn
Mọi điều con đã thấy
Nhưng là con giành lấy
Từ hai bàn tay con.

("Sang năm con lên bảy", Vũ Đình Minh)

Câu 1: Hãy xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra và phân tích tác dụng của từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên?

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ 2 của bài thơ trên?

Câu 4: Tình cảm của người cha với con qua đoạn trích khơi gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc như thế nào?

Câu 5: Qua đoạn thơ, người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn khôn và từ già thời thơ ấu? Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-6 câu nêu cảm nhận của em về bài thơ trên?

Bài tập 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu sau:

a. Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre anh hùng lao động! Tre anh hùng chiến đấu! (Cây tre Việt Nam- Thép Mới)

b.

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.

(Quê hương-Đỗ Trung Quân)

c. Lá lành đùm lá rách

d. Dòng sông mới điệu làm sao

Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha

(Dòng sông mặc áo- Nguyễn Trọng Tạo)

Phần II: Tập làm văn

Đề 1: Kể lại một trải nghiệm của em.

Đề 2: Kể lại một chuyện tham quan đáng nhớ của em.

Đề 3: Kể lại một việc làm tốt của em.

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR:

* **Pronunciation:** /i/ & /i:/ sounds.

* **Grammar:**

- To be, subject pronouns, possessive adjectives, possessions, plural nouns, demonstrative pronouns, imperatives, object pronouns, Wh-questions.

- "Can" to talk about abilities.

- "Have got" to talk about possession.

- There is/ There are

- Quantifiers.

- Too much/ Too many/ Not enough.

* **Vocabulary:** From Unit 0 to Unit 2.

B. EXERCISES:

I. PHONICS:

* *Choose the words whose underlined part is pronounced differently from that of the others:*

- Question 1. A. children B. different C. family D. married
 Question 2. A. easy B. dress C. swearer D. frriendly
 Question 3. A. chicken B. crips C. unique D. minute
 Question 4. A. price B. nice C. slim D. fight
 Question 5. A. pretty B. meat C. cheat D. tea

* *Choose the word that has the different stress pattern:*

- Question 1. A. auntie B. dirtly C. funny D. machine
 Question 2. A. hobby B. sweatshirt C. begin D. tracksuit
 Question 3. A. trainers B. relax C. answer D. footwear
 Question 4. A. different B. appearance C. fashionable D. restaurant
 Question 5. A. salad B. sandwich C. spaghetti D. vegetable

II. VOCABULARY AND GRAMMAR:

* *Choose the best answer A, B, C or D:*

- Question 1. My grandparents have got two dogs. _____ names are Mike and Sam.
 A. Our B. Their C. Its D. They
- Question 2. I can _____ four languages: English, Chinese, German and Spanish.
 A. spoken B. speaks C. spoke D. speak
- Question 3. You can _____ the eggs with salt and pepper to make scrambled eggs.
 A. make B. hit C. beat D. turn
- Question 4. Jay is my best friend. He is so _____. He always tells jokes.
 A. funny B. friendly C. quiet D. brave
- Question 5. My birthday is in _____. It's in summer.
 A. December B. July C. January D. October
- Question 6. Look! _____ women are police officers.
 A. This B. That C. Those D. They
- Question 7. _____ is not a fruit. It's a vegetable.
 A. Celery B. Bread C. Banana D. Cheese
- Question 8. They're _____. A kilo of apples is only \$2.
 A. expensive B. cheap C. nice D. much
- Question 9. Can I have _____ orange, please?
 A. an B. a C. any D. some
- Question 10. There _____ one on the corner of this street, and another on Main Street.
 A. be B. is C. am D. are
- Question 11. He is my dad's brother. He is my _____.
 A. uncle B. aunt C. nephew D. grandpa
- Question 12. In the market near my house, _____ many great restaurants.

- A. are there B. there aren't C. there isn't D. there is
- Question 13. I'm thirsty. Is there _____ milk left?
A. much B. lots of C. many D. any
- Question 14. I woke up late today. I don't think I can _____ the bus to school.
A. do B. make C. catch D. go
- Question 15. If you want to have salad, you should go to a _____.
A. pizzeria B. fast food restaurant C. vegetarian café D. burger bar
- Question 16. How _____ apples are there? I will buy a kilo.
A. much B. many C. any D. a lot of
- Question 17. My cousin doesn't talk much. He is very _____, but I still like him a lot.
A. happy B. funny C. quiet D. brave
- Question 18. Do you like _____? It's my favorite type of chocolate cake.
A. kebab B. yogurt C. brownie D. fish fingers
- Question 19. What's Mai doing? _____ is watching TV.
A. She B. Her C. Hers D. His
- Question 20. Emma exercises everyday. She has a _____ and beautiful body.
A. long B. fat C. fit D. old
- Question 21. Look! Mia is walking her dogs to the park. How many dogs _____?
A. she got B. has she got C. got she D. she has got
- Question 22. Lan and I _____ 10 years old.
A. is B. am C. are D. be
- Question 23. Do you want to participate _____ our school's football competition?
A. on B. in C. at D. of
- Question 24. There is _____ milk in the fridge. You don't need to buy more.
A. too much B. too many C. any D. not enough
- Question 25. My father is Japanese and my mother is Vietnamese. Our family is _____.
A. national B. multinational C. nations D. nationality

III. EVERYDAY ENGLISH:

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.*

Question 1. *Lan and Nhung are talking about their hobbies in their free time.*

Lan: "What is your favorite TV programme?"

Nhung: "_____".

- A. The sport programme. B. I love sports.
C. I watch sports everyday. D. My favorite sport is football.

Question 2. *Tung and Phong are talking about the final test last Friday.*

Tung: "I passed the exam."

Phong: "_____".

- A. Thank you. B. It's ok.
C. Congratulations. D. You're welcome.






Question 3. *Linda saw Mary at the party.*

Linda: "Wow! What a nice dress you are wearing!"

Mary: "_____".

- A. I like you to say that. B. Thanks. It's a birthday gift from my classmates.
C. Certainly. Do you like it, too? D. Yes, of course. It's expensive.

** Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.*

<p>Question 1. What does the sign say?</p> <p>A. Waste is not available in this place. B. You don't need to litter in this place. C. You mustn't throw trash on the ground. D. Littering is not good for the environment.</p>	
<p>Question 2. What does the notice say?</p> <p>A. Today you can buy cheaper apples after 6 p.m. B. You can only buy apples today. C. Today you can buy apples at a cheaper price before 6 p.m. D. You can't buy any apples before 6 p.m.</p>	
<p>Question 3. What does the sign say?</p> <p>A. No bird can live here. B. Birds don't have to be given food. C. You can't bring any birds here. D. You mustn't feed the birds.</p>	
<p>Question 4. What does the notice say?</p> <p>A. Do not eat or drink anything outside this place. B. Food and drink are not allowed in this place. C. Do not bring food or drink from outside into this place. D. Be careful when eating and drinking outside this place.</p>	
<p>Question 5. What does the notice say?</p> <p>A. You must keep walking on the grass. B. You must walk on the grass. C. You can't walk on the grass. D. You shouldn't walk on the grass.</p>	

IV. READING:

* Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 1 to 4.

KITCHEN ORGANIZATION TIPS

To keep your kitchen clean and tidy, follow these tips:

- Store dry foods (1) _____ plastic boxes to keep them fresh.
- (2) _____ your fridge often and throw away any expired items.
- Make sure all knives and sharp objects are kept away from (3) _____.
- Create (4) _____ weekly plan to clean the fridge and cupboards.

- Question 1. A. in B. on C. of D. under
 Question 2. A. Checking B. To checking C. Check D. Checks
 Question 3. A. teenagers B. parents C. older people D. children
 Question 4. A. a B. an C. the D. no articles

* Choose the correct answer A, B, C, or D to fill in each numbered blank to complete the passage.

Bill Ennis is an (1) _____ artist. He is tall with (2) _____. He is famous because he has painted hundreds of pictures and won a lot of prizes. People around the world buy his pictures.

Bill is rich, but he is different from other people. He has a lot of money, but he (3) _____ an expensive car or a big house. In fact, he can't (4) _____, and he still lives in the house where he grew up.

So how does Bill use his money? He has made groups that help poor people. These groups help many children to go to school.

But Bill has never met (5) _____ children or visited their countries. In fact, he has never left (6) _____ home although these pictures are shown around the world. He is scared of flying, so he never travels by plane.

Question 1. A. Australian B. Japanese C. Spanish D. France

Question 2. A. a curly brown hair B curly brown hair C. brown curly hairs D. hair curly brown

Question 3. A. haven't got B. isn't have C. mustn't have D. doesn't have

Question 4. A. driving B. to drive C. drive D. drives

Question 5. A. this B. that C. these D. there

Question 6. A. he B. his C. him D. hims

** Read the passage and choose the correct answer A, B, or C.*

Many people think it is difficult to prepare Chinese dishes. Ching-He Huang, a young chef, business owner, and TV star, is changing their ideas. She teaches people quick and easy ways to prepare Chinese food.

When Ching-He was eleven, she and her family moved to London. Because her mother often traveled for work, Ching-He cooked meals for her family. Her mother taught her a little bit about Chinese cooking. Soon, Ching-He started to create her own recipes.

After she graduated from college, Ching-He started a food and drink company. She sold healthy Chinese foods and drinks to stores. In 2005, Ching-He had her first TV cooking program. The next year, she wrote her first cookbook. In 2008, she had the TV series "Chinese Food Made Easy". Over three million people watched it.

Ching-He is a very busy woman, but she still finds time to relax. What does Ching-He Huang do in her free time? She cooks, of course!

Question 1. Ching-He changed people's ideas about _____.

A. healthy eating B Chinese cooking C relaxing D. cooking show

Question 2. Ching-He learnt to cook _____.

A. at school B. by herself C. from her mother D. on TV

Question 3. How many people watched her TV series "Chinese Food Made Easy"?

A. More than 3,000,000 people B. Over 3,000 people
C. Nearly 30,000 people D. 3,000 people

Question 4. What does the word "it" in the third paragraph refer to?

A. Ching-He's first TV cooking program. B. Ching-He's first cookbook.
C Ching-He's TV series "Chinese Food Made Easy". D. Ching-He's first job.

Question 5. What is the topic of the passage?

A. A passion for cooking. B. How to cook Chinese dishes.
C. TV cooking programs in the UK. D. A famous chef.

Question 6. The word "busy" in the text is CLOSEST in meaning to _____.

A. brave B. free C. clumsy D. hard-working

V. WRITING:

** Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.*

Question 1. Tom/ often/ have/ big breakfast/ Sundays/ family.

A. Tom often has a big breakfast on Sundays with his family.
B. Tom often have a big breakfast at Sundays with his family.

- C. Tom has often a big breakfast in Sundays with his family.
 D. Tom often having a breakfast big on Sundays with his family.

Question 2. She/ can/ speak/ English/ but/ not/ French.

- A. She can speaking English, but she cannot speak French.
 B. She can speak English, but she can speak French.
 C. She can speak English, but she cannot speak French.
 D. She can speaks English, but she cannot speaking French.

Question 3. they/ got/ any/ sweaters/ wardrobe ?

- A. Has they got any sweaters in their wardrobe?
 B. Have they got any sweaters in their wardrobe?
 C. Have they get any sweaters in theirs wardrobe?
 D. Has they gotten any sweaters in their wardrobe?

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.*

Question 1. I have got five chairs in my kitchen.

- A. There are some chairs in my kitchen. B. There be five chairs in my kitchen.
 C. There is five chairs in my kitchen. D. There are five chairs in my kitchen.

Question 2. Nam has got blue eyes.

- A. Nam's eyes are blue. B. Nam'eyes is blue.
 C. Nam eyes are blue. D. Nam's eyes is blue.

Question 3. Tom is very kind.

- A. His personality be very kind. B. Tom's personality is very kind.
 C. He hasn't got a kind personality. D. Tom' personality is very kind.

** Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 3 to 4.*

Question 3. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical dialogue

- a. Thank you. Yours' re, too.
 b. Happy birthday. Wow you're wearing such a beautiful dress!
 c. Here is your present. I hope you like it.
 d. This is the best gift I have ever had. I love it.

- A. b - c - a - d B. a - c - b - d
 C. c - b - a - d D. b - a - c - d

Question 4. Choose the sentences that can end the text (in 3) most appropriately.

- A. I'm glad you like it.
 B. I hope you will have the best party.
 C. Thanks a lot. See you later.
 D. It is the best choice for you.

** Four phrases/ sentences have been from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 4.*

My favorite dish is potato salad. This dish is delicious. The ingredients are (1) _____.
 (2) _____. Firstly, boil the potatoes for about 20 minutes then cut up the potatoes into medium-size pieces. Secondly, cut up the onion into very small pieces and add it to the yogurt. Add (3) _____ and mix them together well. Add the yogurt and onion to the potatoes and mix it all together with a spoon. Leave it in the fridge for one hour. (4) _____.

- A. You can add boiled eggs to the recipe too
 B. potatoes, yogurt, an onion and some salt and pepper

- C. The meal is good for your health and helps you keep fit
D. the salt and pepper

Question 1. ____ Question 2. ____ Question 3. ____ Question 4. ____

VI. LISTENING:

* Listen to Mai talking about her house. Tick (v) T (True) or F (False).

	True	False
Question 1. There are four people in Mai's family.		
Question 2. Mai's house has seven rooms.		
Question 3. The living room is next to the kitchen.		
Question 4. In her bedroom, there's a clock on the wall.		
Question 5. She often listens to music in her bedroom.		

* Listen to the talk. Fill each blank with a word/ number you hear.

- Question 1. Mi and Lan are studying in class _____.
A. 6A B. 16A C. 60A D. 26A
- Question 2. Lan has short _____ hair and a small _____.
A. dark/ face B. black/ mouth C. bright/ chin D. blue/ face
- Question 3. Lan is _____ and friendly.
A. creative B. clever C. active D. shy
- Question 4. Chi's hair is long and black, and her nose is _____.
A. tiny B. big C. long D. high
- Question 5. Chi is _____ to Minh.
A. unkind B. nice C. kind D. violent

MÔN TOÁN

I. NỘI DUNG

1. Số học:

- Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên.
- Phép cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên.
- Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên và thứ tự thực hiện phép tính.
- Quan hệ chia hết, tính chất chia hết, dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.
- Số nguyên tố, hợp số và phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

2. Hình học:

- Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.
- Hình chữ nhật, hình thoi.
- Hình bình hành.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI

1. TRẮC NGHIỆM (Chọn phương án trả lời đúng)

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{2; 5; 8; 13\}$ số nào không thuộc tập hợp

- A. 2 B. 13 C. 10 D. 8

Câu 2: Trong tập hợp số tự nhiên, số tự nhiên nào không có số liền trước trong các số sau?

- A. 1 B. 0 C. 3 D. 6

Câu 3: Số 1904 đọc là

- A. Một nghìn chín trăm bốn mươi B. Một chín không bốn.
C. Một nghìn chín trăm linh bốn. D. Một trăm chín mươi bốn.

Câu 4: Biểu diễn số 22 bằng số La Mã là

- A. XII B. XXIII C. XXII D. IXX

Câu 5: Cho tập hợp $A = \{2019; 2020; 2021; 2022\}$. Cách viết nào sau đây là đúng ?

- A. $\{2019\} \in A$ B. $2022 \in A$ C. $2021 \notin A$ D. $2018 \in A$

Câu 6: Số ước nguyên tố của 2022 là

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 5

Câu 7: Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là

- A. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$
 C. $\{\} \rightarrow () \rightarrow []$ D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$

Câu 8: Kết quả của phép tính $2^{15} \cdot 2^3$ là

- A. 4^{18} B. 2^{18} C. 4^{12} D. 2^{12}

Câu 9: Khi viết gọn tích $8 \cdot 2 \cdot 8 \cdot 4$ bằng cách dùng lũy thừa, kết quả đúng là

- A. 8^2 B. 8^4 C. 8^3 D. $2^4 \cdot 8^3$

Câu 10: Trong dãy số sau, dãy số nào chia hết cho 3?

- A. 51; 63; 111; 2022 B. 32; 51; 534
 C. 2022; 21; 90; 17 D. 64; 111; 63; 32.

Câu 11: Trong phép chia cho 4 số dư có thể là

- A. 0; 1; 2; 3; 4 B. 1; 3 C. 0; 2; 4 D. 0; 1; 2; 3

Câu 12: Số nào sau đây là ước của 6?

- A. 0 B. 5 C. 6 D. 12

Câu 13: Biểu thức $3 \cdot 9 \cdot 13 + 51$ chia hết cho số nào sau đây

- A. 2 B. 3 C. 9 D. 3 và 9

Câu 14: Trong các phép tính sau, phép tính nào cho kết quả là số nguyên tố:

- A. $1^{2022} + 2021^0$ B. $15 \cdot 17 \cdot 9 + 135 \cdot 137 \cdot 19$
 C. $1994 + 2012$ D. $1 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 5 + 2022$

Câu 15: Phân tích số 24 ra thừa số nguyên tố.

- A. $24 = 2^3 \cdot 3$ B. $24 = 2 \cdot 12$ C. $24 = 2^2 \cdot 4$ D. $24 = 3 \cdot 8$

Câu 16: Chọn câu đúng.

- A. Hình có 6 đỉnh là hình lục giác đều
 B. Hình có 6 góc là hình lục giác đều
 C. Hình có 6 cạnh là hình lục giác đều
 D. Hình lục giác đều có 6 cạnh

Câu 17: Cho tam giác đều ABC có cạnh $AB = 4\text{cm}$. Khi đó cạnh AC có độ dài là

- A. 4m B. 4cm C. 5cm D. 2cm

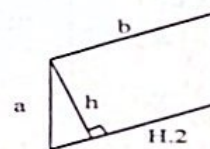
Câu 18: Bảo muốn một dây thép thành móc treo đồ dạng hình thoi với độ dài cạnh bằng 40cm.

Bảo cần bao nhiêu xăng-ti-mét dây thép để làm móc treo đó?

- A. 160m B. 160cm C. 450cm D. 80cm

Câu 19: Cho H.2. Công thức tính diện tích của hình bình hành là:

- A. $S = a \cdot b$ B. $S = \frac{1}{2} \cdot a \cdot h$
 C. $S = \frac{1}{2} \cdot b \cdot h$ D. $S = b \cdot h$



Câu 20: Trong các hình sau, hình có 4 cạnh bằng nhau là

- A. Hình thoi B. Hình chữ nhật
 C. Hình bình hành D. Hình thang

2. TỰ LUẬN

DẠNG 1: TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP- SỐ TỰ NHIÊN**Bài 1:**

- a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 4 và không vượt quá 7 bằng hai cách.
 b) Tập hợp các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 12 bằng hai cách.
 c) Viết tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 11 và không vượt quá 20 bằng hai cách.

Bài 2: Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

- a) $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 < x < 16\}$ b) $B = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x \leq 20\}$
 c) $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 5 < x \leq 10\}$ d) $F = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 10\}$
 e) $E = \{x \in \mathbb{N}^* \mid 12 : x\}$ g) $G = \{x \in \mathbb{N} \mid x : 4; 13 < x < 27\}$

Bài 3:

- a) Viết các số tự nhiên sau dưới dạng số La Mã: 4; 9; 17; 24; 29; 40; 62
 b) Viết số tự nhiên sau: hai triệu chín trăm linh tư nghìn bốn trăm bảy tám.
 c) Viết tập hợp A các số tự nhiên có ba chữ số sao cho tổng các chữ số bằng 5
 d) Viết tập hợp B các số tự nhiên chẵn có hai chữ số. Tập hợp B có bao nhiêu phần tử?

DẠNG 2: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH**Bài 4:** Thực hiện phép tính

- a) $17.85 + 15.17 - 120$ b) $75 - (3.5^2 - 4.2^3)$
 c) $12 : \{390 : [500 - (125 + 35.7)]\}$ d) $58.75 + 58.50 - 58.25$
 e) $27.39 + 27.63 - 2.27$ b) $50 - [(20 - 2^3) : 2 + 34] : 2023^0$
 g) $12.35 + 35.182 - 35.94$ h) $4.23.6 + 12.41.2 + 8.36.3$

Bài 5: Thực hiện phép tính

- a) $189 + 73 + 211 + 127$;
 b) $2.5^2 + 3 : 71^0 - 54 : 3^3$;
 c) $375 : \{32 - [4 + (5.3^2 - 42)]\} - 14$

Bài 6: Thực hiện phép tính

- a) $38.73 + 27.38$ b) $5.3^2 - 32 : 4^2$
 c) $5.2^3 + 7^{11} : 7^9 - 1^8$ d) $400 : \{5. [360 - (290 + 2.5^2)]\}$

DẠNG 3: TOÁN TÌM X**Bài 7:** Tìm x, biết:

- a) $x + 35 = 517$ b) $12.x - 53 = 91$
 c) $6.x - 5 = 19$ d) $19 + 8 : x = 17$

Bài 8: Tìm x biết

- a) $75 : (x - 18) = 5^2$ b) $(7.x + 6) - 11 = 9$
 c) $(15 - 6x).3^5 = 3^6$ d) $(2x - 6).4^7 = 4^9$
 e) $740 : (x + 10) = 10^2 - 2.13$

Bài 9: Tìm x, biết:

- a) $[(6x - 39) : 7].4 = 12$ b) $(2x - 5)^3 = 8$ c) $32 : (3x - 2) = 2^3$
 d) $x : 12$ và $13 < x < 75$ e) $6 : (x - 1)$ và x là số tự nhiên

DẠNG 4: DẤU HIỆU CHIA HẾT

Bài 11: Điền vào dấu * các chữ số thích hợp để:

a) Số 3^*5 chia hết cho 9 b) Số 1^*5^* Chia hết cho cả 5 và 9

Bài 12: Điền vào dấu * các chữ số thích hợp để:

a) Số 1^*2 chia hết cho 3 b) Số $*46^*$ Chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9

Bài 13: Từ các chữ số 0; 5; 2; 7

a/ Viết tập hợp A các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau sao cho các số này đều chia hết cho 2 và 5

b/ Viết tập hợp B các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau sao cho các số này đều chia hết cho 3

c/ Viết tập hợp C các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau sao cho các số này đều không chia hết cho 2

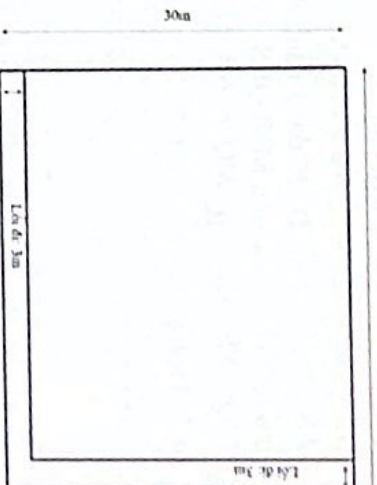
DẠNG 5: CÁC BÀI TẬP HÌNH HỌC

Bài 14: Một tấm vải hình chữ nhật có chiều dài 1m và chiều rộng là 36cm. Diện tích của tấm vải hình chữ nhật theo đơn vị xăng ti mét vuông là?

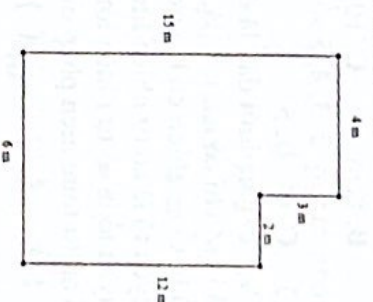
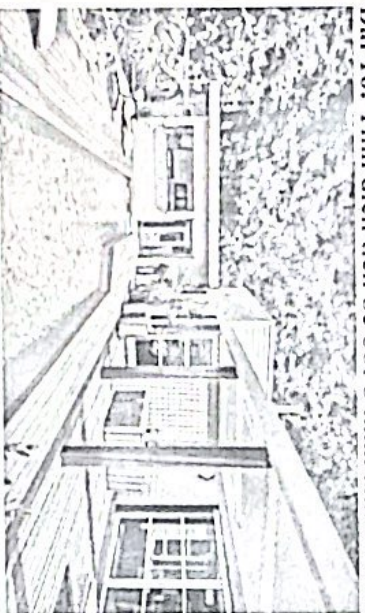
Bài 15: Cho mảnh vườn có dạng hình vuông cạnh 30m. Người ta để 1 phần vườn làm lối đi rộng 3m (như hình vẽ), phần còn lại để trồng rau.

a) Tính diện tích phần trồng rau?

b) Người ta làm hàng rào xung quanh mảnh vườn trồng rau và ở 1 góc vườn rau có để cửa ra vào rộng 3m. Tính độ dài hàng rào đó



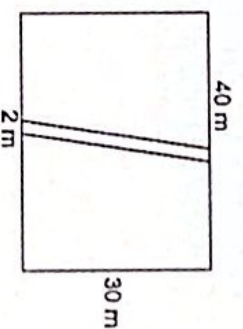
Bài 16: Tính diện tích bề bơi ở hình ảnh dưới đây, các kích thước được mô tả ở hình vẽ.



Bài 17: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 40m, chiều rộng 30m.

a) Tính diện tích khu vườn đó?

b) Người ta dự định lót xây một lối đi hình bình hành rộng 2m (như hình). Tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi?



DẠNG 6: NÂNG CAO

Bài 18: Cho : $S = 3^1 + 3^2 + 3^3 + 3^4 + \dots + 3^{2015}$. Tính S.

Bài 19: Cho $A = 1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{11}$

Không tính tổng A, hãy chứng tỏ A chia hết cho 3.

Bài 20: Cho số tự nhiên n chia hết cho 3. Chứng tỏ: $A = n^3 + n^2 + 3$ không chia hết cho 9.

3. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 1

I. Trắc nghiệm. (3,0 điểm)

Câu 1. Người ta thường đặt tên tập hợp bằng.

- A. Chữ cái in thường B. Chữ cái in hoa C. Chữ số D. Chữ số La Mã

Câu 2. Cách viết tập hợp nào sau đây là đúng.

- A. $A = [0; 1; 2; 3]$ B. $A = (0; 1; 2; 3)$. C. $A = 1; 2; 3$ D. $A = \{0; 1; 2; 3\}$

Câu 3. Cho A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5, tập A được viết như thế nào.

- A. $A = \{1; 2; 3; 4\}$ B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$
 C. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$

Câu 4. Số 16 được viết thành số La Mã là.

- A. VIII B. XVI C. VXI D. VVV

Câu 5. Tam giác đều ABC có.

- A. $AB = BC = AC$ B. $AB > BC > CA$
 C. $AB < BC < CA$ D. độ dài 3 cạnh AB, BC, CA khác nhau

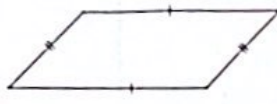
Câu 6. Cho lục giác đều MNPQRS. Nhận định nào sau đây là đúng.

- A. $MQ = NS = QR$ B. $MQ = NR = PS$ C. $MP = NQ = PS$ D. $MP = NR = QR$

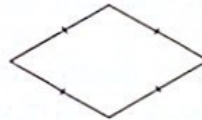
Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thoi.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 8. Cho hình thoi MNPQ có $NP = 10\text{cm}$, $NQ = 8\text{cm}$. Độ dài cạnh MN là.

- A. 6cm B. 8cm C. 10cm D. 18cm

Câu 9. Trong các số: 2, 3, 4, 5 số nào là hợp số.

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 10. Đáp án nào dưới đây là đúng.

- A. Hợp số là số chỉ có hai ước là 1 và chính nó.
 B. Hợp số là số tự nhiên có hai ước.
 C. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1 có nhiều hơn hai ước.
 D. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

Câu 11. Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc.

- A. $[\] \Rightarrow () \Rightarrow \{ \}$ B. $() \Rightarrow [\] \Rightarrow \{ \}$
 C. $\{ \} \Rightarrow [\] \Rightarrow ()$ D. $[\] \Rightarrow \{ \} \Rightarrow ()$

Câu 12. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là.

- A. Nhân và chia \Rightarrow Lũy thừa \Rightarrow Cộng và trừ.
 B. Lũy thừa \Rightarrow Nhân và chia \Rightarrow Cộng và trừ.
 C. Cộng và trừ \Rightarrow Nhân và chia \Rightarrow Lũy thừa.
 D. Lũy thừa \Rightarrow Cộng và trừ \Rightarrow Nhân và chia

II. Tự luận. (7,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm)

- a) Đọc các số La Mã sau: XVII và XXIV
 b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 14 và 28

Bài 2. (1,0 điểm)

- a) Chỉ ra bốn bội của 15.
 b) Tìm tất cả các ước của 20.

Bài 3. (1,0 điểm) Tìm chữ số a, b sao cho $\overline{a17b}$ chia hết cho cả 2; 5; 9

Bài 4. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

a) $100 : 5.4$

b) $15.41 + 15.59$

c) $600 : \{450 : [450 - (4.5^3 - 2^3.5^2)]\}$

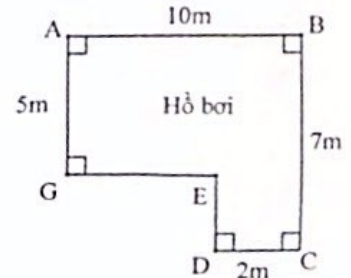
Bài 5. (1,0 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 4\text{cm}$, $BC = 3\text{cm}$, $AC = 5\text{cm}$. Tính độ dài của CD, AD, BD.

Bài 6. (1,0 điểm) Một hồ bơi có kích thước như hình vẽ bên.

a) Tính diện tích hồ bơi.

b) Nếu lát sàn hồ bơi bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50cm thì cần bao nhiêu viên gạch?

Bài 7. (0,5 điểm) Tính tổng $A = 3 + 6 + 9 + 12 + \dots + 2016$.



ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{x/ x \in \mathbb{N}; 3 < x < 7\}$. Cách viết khác của tập hợp M là :

- A. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$ B. $M = \{4; 5; 6\}$ C. $M = \{3; 4; 5; 6; 7\}$ D. $M = \{0; 1; 2; 3\}$

Câu 2. Chữ số 3 trong số 2358 có giá trị là.

- A. 30 B. 300 C. 3000 D. 3

Câu 3. Cho tập hợp $P = \{1; 2; 3\}$. Trong các khẳng định sau, khẳng định đúng là :

- A. $2 \in P$ B. $0 \in P$ C. $3 \notin P$ D. $1 \in P$

Câu 4. Kết quả phép tính $12 + 3 - 2$ là:

- A. 10 B. 12 C. 13 D. 11

Câu 5. Kết quả phép tính $2^4 : 2$ là:

- A. 2^5 B. 2^3 C. 2^6 D. 2^4

Câu 6. Xét trên tập hợp \mathbb{N} , trong các số sau, số 12 chia hết cho số nào?

- A. 6 B. 24 C. 0 D. 8

Câu 7. Số La mã XVI có giá trị là:

- A. 15 B. 14 C. 16 D. 17

Câu 8. Hiệu $3.5.8 - 3$ chia hết cho:

- A. 3 và 8 B. 3 và 5 C. 5 D. 3

Câu 9. Các số nguyên tố nhỏ hơn 7 là:

- A. 2; 3; 5; 7; 9 B. 2; 3; 5; 7 C. 1; 3; 5; 7 D. 2; 3; 5

Câu 10. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có hình dạng là tam giác đều ?



Biển báo 1



Biển báo 2



Biển báo 3



Biển báo 4

A. Biển báo 3

B. Biển báo 1

C. Biển báo 2

D. Biển báo 4

Câu 11. Logo của một hãng xe ô tô Nhật Bản Mitsubishi với biểu tượng "Ba viên kim cương" đã gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của công ty được sử dụng từ năm 1964. Hỏi, trong thiết kế logo Mitsubishi được tạo bởi 3 hình gì ? (Hình vẽ minh họa dưới đây)



A. Hình thoi B. Hình chữ nhật C. Hình tam giác D. Hình vuông

Câu 12. Hình bình hành không có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Hai cạnh đối bằng nhau B. Bốn cạnh bằng nhau
C. Hai cạnh đối song song với nhau D. Các góc đối bằng nhau

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $65 + 112 + 35 + 88$ b) $76.53 + 76.47$ c) $(2^4 - 4).2 + 16 : 2^2$

Bài 2: (1,75 điểm) Tìm số tự nhiên x biết

- a) $x - 2 = 8$ b) $60 - 4.(x + 5) = 8$

Bài 3: (1,75 điểm) Mảnh vườn hình chữ nhật chiều dài 60m, chiều rộng 15m.

- a) Tính diện tích của mảnh vườn.
b) Người ta rào xung quanh mảnh vườn bằng lưới b40 và làm cửa rộng 5m (không rào lưới b40). Tính chiều dài lưới b40 cần dùng?

Bài 4. (1,0 điểm) Cho $A = 3^1 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{30}$. Chứng minh A chia hết cho 13.

MÔN ÂM NHẠC

I. Ôn tập các bài hát đã học:

Học sinh hát thuần thục, vận động theo điệu nhạc, kết hợp các động tác minh họa phù hợp với các bài hát đã học. Nhớ được tên tác giả nhạc sĩ sáng tác.

1. Bài hát: Con đường học trò. Nhạc và lời: Nguyễn Văn Hiến.

SGK âm nhạc trang 6

2. Bài hát: Đời sống không già vì có chúng em. Nhạc và lời: Trịnh Công Sơn.

SGK âm nhạc trang 14

II. Ôn tập đọc nhạc:

Học sinh đọc nhạc thuần thục bài, nắm được tiết tấu và nhịp phách, cao độ, trường độ chủ đạo của bài.

1. Bài đọc nhạc số 1.

Lời giải: SGK âm nhạc trang 11

MÔN THỂ DỤC

I. NỘI DUNG:

- Thực hiện bài thể dục liên hoàn.

II. Thang điểm:

Đạt: Học sinh thực hiện tốt bài thể dục liên hoàn.

Chưa đạt: Học sinh có thái độ kiểm tra chưa nghiêm túc và không thực hiện được bài thể dục liên hoàn.

MÔN MỸ THUẬT

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

- Kiến thức về cách trang trí một sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống.

- Kiến thức về cách sắp xếp bộ cục trong sản phẩm mỹ thuật.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

- Em hãy thiết kế một thiệp chúc mừng. Thể hiện trên khổ giấy A4. Chất liệu tự chọn.
- Em vẽ một bức tranh tĩnh vật màu mà em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy thiết kế một bộ trang phục trong lễ hội. Thể hiện trên khổ giấy A4. Chất liệu màu tự chọn.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

I. Nội dung ôn tập: Kiến thức chủ đề 1, 2.

II. Bài thu hoạch

Em hãy chọn một trong hai đề dưới đây để viết bài thu hoạch:

Đề 1: Em hãy kể tên một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X. Trình bày về một cuộc khởi nghĩa (thời gian, địa điểm, diễn biến, ý nghĩa) ở Hà Nội trong giai đoạn trên mà em yêu thích. (Bài viết khoảng 150 – 200 từ)

Đề 2: Em hãy kể tên một số di sản văn hóa vật thể ở thành phố Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X. Trình bày về một di sản văn hóa vật thể (thời gian, địa điểm, mô tả cụ thể, ý nghĩa) ở Hà Nội trong thời kì này mà em yêu thích. (Bài viết khoảng 150 – 200 từ).

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hãy làm một tấm thiệp, sau đó viết những chia sẻ của em để gửi tới ông (bà), bố (mẹ) những cảm nhận của mình về ngôi trường THCS Lý Sơn – nơi em đang học.

Nơi nhận:

- GVCN khối 6;
- Lưu.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thùy Dương